

BỨC KHÁM VĂN HÓA ĐA SẮC MÀU Ở ĐẢO PHÚ QUÝ

PG.S.TS. NGUYỄN DUY THIỆU*

Không chỉ giàu có vì tài nguyên tôm, cá, Phú Quý còn có lợi thế để phát triển nghề vận chuyển đường biển. Là đảo ở vùng nước sâu, nên giao thông đường thủy là một lợi thế, nơi đây đã có các cảng và những đội tàu vận chuyển hàng khách và hàng hóa khá mạnh. Nguồn tài nguyên cho nông nghiệp ở đây đáng kể nhất là tài nguyên đất đai. Tại vùng đảo này, trong tổng số 3199,45 ha đất, có khoảng 1485,35 ha đất có thể trồng cây lương thực, 86,45 ha đất có thể trồng cây công nghiệp và 18 ha có thể trồng cây ăn quả. Các cư dân địa phương đã khai thác quý đất này để trồng ngô, sắn, khoai lang, lạc, vừng, rau, đậu các loại. Những năm gần đây, việc trồng cây công nghiệp, đặc biệt là điều trên đảo phát triển mạnh. Đất đai cũng là bãi chăn thả để nuôi hàng ngàn con bò... Những nguồn tài nguyên giàu có như vừa trình bày đã được con người phát hiện và khai thác để sinh tồn trên đảo từ lâu.

1. Theo dấu chân của những người mở cõi

Trong quá trình khai thác đá quánh để làm vật liệu xây dựng, người dân trên đảo Phú Quý đã từng phát hiện thấy những mộ vò lớn, có chôn theo nhiều công cụ lao động của người xưa, như rìu, búa và cả những chiếc vòng đeo tay bằng đá, được chế tác tinh xảo, mà theo các nhà khảo cổ học thì đây là những hiện vật đặc trưng của nền văn hóa Sa Huỳnh.

Mặc dù chưa tìm được nhiều di vật Chăm-pa, nhưng ở đây vẫn lưu truyền rộng rãi truyền thuyết Bàn Tranh - nàng công chúa Chăm.

Theo sử sách, vào đầu thế kỷ XVII, một luồng di cư mới của người Việt từ các trấn Thuận Hóa, Quảng Nam và phủ Phú Yên vào khai phá và định cư ở vùng đất Thủy Chân Lạp (tức Nam bộ ngày nay). Trong đó, một bộ phận dân cư ấy đã sử dụng đường biển để tiến vào Nam. Và, có thể vì nhiều lý do như thời tiết, sóng gió..., thuyền của họ đã bị tấp vào đảo Phú Quý, cộng cư với cư dân bản địa trên đảo.

Giữa thế kỷ XVII, khi chúa Nguyễn Phúc Tần đã lập hai phủ Thái Ninh và Điện Khanh (Khánh Hòa ngày nay) thì ở bên Trung Quốc, nhà Mãn Thanh cũng lật đổ nhà Minh. Với tinh thần kháng Thanh phục Minh, đã có một trào lưu di cư của người Hoa xuống Đông Nam Á, trong đó có xứ Đàng Trong của Đại Việt. Năm 1679, chúa Nguyễn cũng đã từng cho phép một đoàn hàng tướng nhà Minh là Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên đem gia thuộc (hơn 3000 người và hơn 50 thuyền) đến khai phá vùng đất Gia Định, Mỹ Tho ngày nay. Có thể, trong cuộc thiên di bằng đường biển ấy, đã có những bộ phận người gốc Hoa cũng lưu lại đảo Phú Quý, cộng cư với người Chăm và người Việt đã có mặt trước tại đây...

Tới khoảng giữa thế kỷ XVIII (khoảng năm 1750), cụ Huỳnh Tuồng ra khai phá đảo Phú Quý, đã kéo theo hàng loạt dân cư ở cù lao Ré (huyện Lý Sơn ngày nay) chuyển đến hòn đảo này sinh sống. Theo gia phả, họ Huỳnh ở Phú Quý ngày nay có nguồn gốc từ làng Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Trong thời Trịnh, Nguyễn phân tranh, đây là vùng chiến tranh triền miên, nhiều phen dân tình phải phiêu tán. Có thể là vì vậy mà họ Huỳnh

* Phó Giám đốc Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam

đã di cư tới cù lao Ré (nay là đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) lập nghiệp. Cách đây 250 năm, khoảng năm 1750, cụ Huỳnh Tuyển cùng 6 bạn thuyền đi đánh cá, gặp bão, thuyền bị trôi dạt đến đảo Phú Quý, đã được người bản địa cứu mang. Khi nhận thấy Phú Quý là đảo rộng (rộng hơn Lý Sơn), lại lắm nguồn lợi, cụ đã vận động bà con, họ hàng vào đây lập nghiệp. Đến nay, họ Huỳnh đã định cư tại Phú Quý đến thế hệ thứ 10. Từ đó tới nay trải qua hơn 250 năm, tiếp nối truyền thống của những người đến trước, con cháu họ Huỳnh đã cùng với người Chăm, người Hoa góp phần khai phá Phú Quý. Rồi khi đã xác lập được chủ quyền ở Đàng Trong, nhà Nguyễn và các chính quyền sau này đã từng bước đặt cơ sở hành chính tại đây để quản lý. Các nhóm cư dân khác tiếp tục đến Phú Quý định cư, cùng với những cư dân định cư trước, lập nên một vùng biển đảo trù phú như ngày nay.

2. Quá trình xác lập các đặc trưng văn hóa cho xứ đảo

Là vùng đảo giàu tài nguyên, lại nằm án ngữ trên đường hàng hải, nối liền vùng đảo này với các cảng tại thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang, Cam Ranh... nên các tàu thuyền Việt Nam (từ Nam Trung bộ trở vào) đi Trung Quốc cũng như các nước Đông Bắc Á khác, hoặc các tàu thuyền các nước Đông Bắc Á khi đi xuống phía Nam, thường xuôi ngược qua đây. Có lẽ cũng vì vậy mà đã từ rất lâu đời, các cộng đồng cư dân, theo nhiều lớp di cư, đã đến đây lập nghiệp. Mỗi một cộng đồng cư dân khi tới đây đều mang theo bản sắc văn hóa của mình. Nhưng rồi chung sống lâu đời với nhau, nên các nét riêng văn hóa của các cộng đồng đã hòa quyện với nhau, hình thành một bản sắc riêng cho vùng văn hóa của đảo.

Tuy diện tích nhỏ hẹp nhưng Phú Quý luôn tự hào về bề dày lịch sử của mình, với hơn 30 công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng dân gian đủ mọi loại hình, như đình, chùa, đền, miếu, lăng, vạ... Có thể nói, không có nơi nào ở Bình Thuận còn lưu giữ được các nét văn hóa dân gian truyền thống đặc sắc, đa dạng và phong phú như ở Phú Quý.

Các tư liệu về đời sống văn hóa, tín ngưỡng như sẽ trình bày tiếp ngay sau đây, sẽ cho chúng ta thấy được phần nào đó các đặc trưng văn hóa ở Phú Quý có quan hệ mật thiết với 3 cộng đồng người: người Việt, người Chăm và người Hoa. Cho tới tận ngày nay, có những yếu tố văn hóa còn mang tính nguồn gốc rõ rệt, nhưng cũng có những yếu tố văn hóa

của các nhóm đã trộn lẫn, hòa quyện vào nhau.

Có thể giả định, cư dân sống đầu tiên trên đảo Phú Quý là một cộng đồng cư dân nào đó nói ngôn ngữ Malayo Polinésian. Tại hòn đảo này, những di chỉ khảo cổ học thuộc văn hóa Sa Huỳnh đã từng được phát hiện. Tại các di chỉ đó, các nhà nghiên cứu đã tìm thấy những mộ vò lớn, có chôn theo nhiều công cụ lao động của người xưa, như rìu, búa và cả những chiếc vòng đeo tay bằng đá, được chế tác tinh xảo, mà theo các nhà khảo cổ học thì đây là những hiện vật đặc trưng của nền văn hóa Sa Huỳnh.

Hậu duệ của người Sa Huỳnh là ai, cũng như mối quan hệ giữa người Chăm với các cư dân Sa Huỳnh xưa còn tiếp tục cần được làm sáng tỏ, nhưng câu chuyện người Chăm từng cư trú trên đảo Phú Quý thì chúng ta lại có được các chứng cứ khá rõ ràng. Mặc dù ngày nay không còn người Chăm cư trú trên đảo, nhưng giới khảo cổ học đã tìm thấy những ngôi mộ cổ, giếng cổ mà các nhà nghiên cứu cho rằng, chủ nhân của các di chỉ đó là người Chăm. Không chỉ là những câu chuyện tiền sử, mà đến thờ bà chúa Ngọc (Bàn Tranh) vẫn còn hiển hiện.

Tương truyền, Bàn Tranh vốn là công chúa của một vị vua Chăm, do không nghe lời vua cha nên bị quy kết tội phản nghịch và bị lưu đày ra hoang đảo. Nàng được vua cha cấp cho thuyền buồm làm phương tiện ra đi và một số nô tỳ để hầu hạ. Sau một thời gian lênh đênh trên biển, họ lên được đảo Phú Quý và bắt đầu vỡ đất làm nương, tạo lập cuộc sống mới trên hoang đảo. Sau khi bà mất, người dân lập đền để thờ, nhằm tôn vinh công đức khai phá hoang đảo của bà. Đền thờ bà nằm ở làng Thượng Hải, xã Ngũ Phụng, huyện Phú Quý.

Điều lý thú là, đền thờ bà chúa Ngọc, không phải một công trình kiến trúc độc lập, mà cùng nằm trong một quần thể di tích, ở đây dân gian thờ nhiều vị thiên thần, nhiên thần và nhân thần khác nhau. Tại quần thể di tích này, có 2 công trình kiến trúc chính, nằm đối diện nhau, vừa thờ các vị thần theo tín ngưỡng Chăm, vừa theo tín ngưỡng Việt và ngày nay đều do người Việt hương khói. Một đền trong quần thể kiến trúc này thờ bà chúa Ngọc (còn gọi là Pô Inư Nagar hay Thiên Ya Na Diễn Ngọc Phi - một nữ thần được người Chăm tôn vinh là Bà mẹ Xứ sở). Ngôi đền phía đối diện gọi là vạ Thượng Hải, thờ Nam Hải (cá voi) theo tín ngưỡng ngư nghiệp của người Việt. Trong đền thờ bà chúa

Ngọc và Vạn Thương Hải, ngoài chức năng thờ phụng Thiên Ya Na, Nam Hải, đồng thời là nơi thờ các bậc tiền hiền, hậu hiền có công quy tập dân cư đến khẩn hoang, sinh cơ lập nghiệp, lập làng tại vùng đất này. Các nhân vật được thờ trong 2 công trình kiến trúc này đã được các triều vua Nguyễn ban tặng 10 sắc phong, trong đó có 5 sắc phong cho bà chúa Ngọc, 3 sắc phong cho thần Nam Hải, 2 sắc phong thần cho Bắc trấn đô Bùi Quận Công.

Không chỉ là nơi thờ tự, đền bà chúa Ngọc và Vạn Thương Hải còn là nơi để dân địa phương tổ chức hội hè. Hàng năm tại đây diễn ra 2 kỳ lễ chính: tế Xuân vào tháng Giêng và tế Thu vào tháng 8 Âm lịch. Xuân cầu Thu tạ là nghi lễ truyền thống, gắn với hoạt động mưu sinh của người dân Việt. Sau rằm tháng Giêng, nông dân làm lễ xuống đồng, lâm dân làm lễ mở cửa rừng và ngư dân làm lễ cầu ngư. Sau lễ cầu đầu năm, người dân bắt tay vào một mùa vụ mới. Đến tháng 8, khi mùa thu tới, để tạ ơn các vị thần linh đã phù hộ, độ trì cho một mùa vụ tốt tươi, nông dân làm lễ ăn cơm mới, chuẩn bị thu hoạch, lâm dân làm lễ "đóng cửa rừng" và ngư dân làm lễ "tạ ngư". Điều lý thú là, trong các kỳ tế lễ này, bao giờ người dân cũng tổ chức lễ tế bên điện thờ bà chúa Ngọc trước, sau đó mới làm lễ tế trong điện thờ ông Nam Hải.

Nếu như dấu tích văn hóa Chăm là tín ngưỡng bà chúa Xứ, thì dấu tích văn hóa của người Hoa là tín ngưỡng người thầy Sài Nại. Tương truyền, thầy là một thương gia ở thế kỷ XVI, thường theo các đoàn thương thuyền để buôn bán. Ông còn là thầy thuốc, thầy phong thủy. Trong một chuyến đi biển gặp bão, thuyền của ông bị trôi dạt vào đảo Phú Quý, với cách nhìn của thầy phong thủy, ông cho rằng, Phú Quý là vùng địa linh, nên đã ở lại đây cùng dân đảo. Lúc bấy giờ, trên đảo đã có công chúa Bàn Tranh sinh sống. Thấy kết nghĩa chị em với công chúa và làm nghề bốc thuốc chữa bệnh, cứu giúp dân đảo. Sau khi qua đời, ông được an táng ở làng Thoại Hải (xã Long Hải). Cũng có thuyết khác kể rằng, khi sinh thời, trên đường buôn bán, ông phát hiện Phú Quý là vùng địa linh và có nguyện sau khi chết được an táng ở đây. Khi ông qua đời, theo ý nguyện của ông, một đoàn thuyền buôn của người Hoa xuất phát từ phía Bắc, mất 6 ngày 6 đêm mang tro cốt của ông đến Phú Quý an táng. Mộ của ông được xây bằng đá gành, dáng tròn, đường kính 3,2m, thành mộ dày 60cm.

Các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Đồng

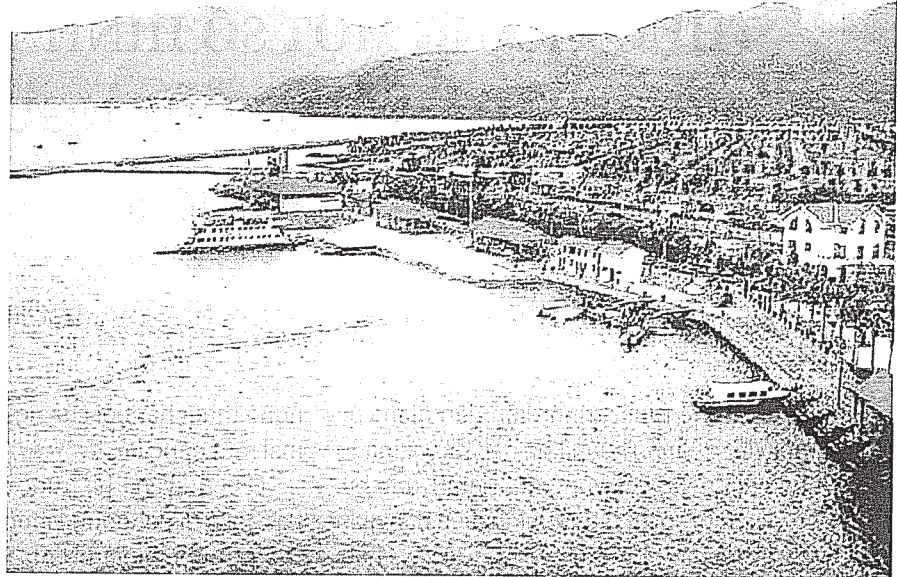
Khánh, Duy Tân, Khải Định đã ban 13 sắc phong cho công chúa Bàn Tranh và thầy Sài Nại. Do đó, khi nói tới sắc phong, người dân địa phương thường gọi tắt là "sắc Thầy Chúa". Dân gian lấy ngày mồng 3 tháng Giêng là ngày kỵ của bà Tranh và ngày mồng 4 tháng Tư là ngày kỵ của thầy Sài Nại. Việc trông coi, thờ phụng và cúng tế công chúa Bàn Tranh và thầy Sài Nại được cư dân 9 làng trên đảo luân phiên thực hiện, mỗi làng 1 năm. Ngày kỵ dân rước các sắc ở làng đang trông giữ đến đền bà Tranh làm lễ, sau đó rước đến làm lễ tại dinh thầy Nại. Sau khi lễ tế ở dinh thầy kết thúc, sắc được làng đương nhiệm bàn giao cho làng tiếp sau và dân làng tiếp sau lại tổ chức rước sắc về làng mình để cất giữ. Có lẽ bởi vậy mà dân gian cũng gọi các lễ hội này là lễ rước thầy Chúa.

Có thể nói, các sinh hoạt văn hóa, như tín ngưỡng bà chúa Ngọc hoặc tín ngưỡng thầy Sài Nại, mặc dù có nguồn gốc Chăm, hoặc nguồn gốc Hoa nhưng đều đã trở thành tín ngưỡng của người Việt. Cũng có thể nói, các công trình kiến trúc tín ngưỡng dân gian trên đảo Phú Quý có nguồn gốc thuần Việt, rất phong phú và đặc sắc.

Các luồng di dân của người Việt đông đảo nhất là từ đất Quảng (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi) đến Phú Quý vào khoảng thế kỷ thứ XVI, XVII. Khi tới vùng này lập nghiệp, họ mang theo cả truyền thống văn hóa từ quê nhà. Theo đó, các làng đều lập đình để thờ Thành hoàng. Trải qua thời gian và sự khắc nghiệt của điều kiện thời tiết khí hậu, đến nay, trên vùng đảo này vẫn còn tồn tại những ngôi đình khá lớn.

Ngôi đình cổ nhất trên đảo là đình làng Triều Dương, được dựng vào năm 1773. Đình được làm theo truyền thống dân gian của người Việt ở Nam Trung bộ: nhìn về hướng Tây Nam, các hạng mục kiến trúc gồm: cổng chính, tiền tế, võ ca, khám thờ (chính điện: thờ bản cảnh Thành hoàng; bên tả thờ tiền hiền; bên hữu thờ hậu hiền) và nhà khói (gian bếp). Phía trước, cách mặt đình 100m là lăng ông Nam Hải. Các triều vua nhà Nguyễn đã ban 5 sắc (Thành hoàng: 2 và Nam Hải: 3) cho các vị thần được thờ tại đây. Ngoài làng Triều Dương, các làng khác ở đây cũng lập đình để thờ Thành hoàng làng, trong đó có những đình khá nổi tiếng, như đình làng Long Hải, được dựng vào cuối thế kỷ XVIII. Đình để thờ Thành hoàng làng, đây là truyền thống của cư dân nông nghiệp Việt, nhưng khi người Việt đến Nam Trung bộ và kể cả ra ngoài hải đảo, như

đảo Phú Quý, thì bên cạnh đình, họ còn xây lăng/vạn để thờ ông Nam Hải. Có thể coi việc thờ cá ông là truyền thống tín ngưỡng của cư dân ngư nghiệp Việt. Tại các vùng ven biển miền Trung và ở vùng hải đảo, có làng xây cả đình riêng và lăng riêng, nhưng cũng có làng chỉ xây lăng/vạn. Lăng/vạn có chức năng như đình của người Việt ở vùng đồng bằng, vừa là nơi thờ ông Nam



Đến đảo Phú Quý - Ảnh: Tác giả

Hải như là Thành hoàng, vừa thờ các bậc tiền hiền và hậu hiền. Vạn An Thạnh được xây dựng năm 1781 trên đảo Phú Quý chẳng hạn, là một lăng/vạn thờ cá ông nổi tiếng, nơi đây còn lưu giữ 100 bộ xương cá ông qua các thời kỳ khác nhau...

Mặc dù còn chưa đầy đủ, nhưng những gì như vừa trình bày trên đây phần nào đã cho chúng ta thấy đôi điều lý thú về sự hội nhập giữa tín ngưỡng nông nghiệp với tín ngưỡng của ngư nghiệp; về quá trình người Việt ở Phú Quý đã tiếp nhận và hòa quyện các yếu tố tín ngưỡng của người Chăm và người Hoa... để định hình cho mình một thứ tín ngưỡng dân gian mang bản sắc riêng khá độc đáo của một vùng biển đảo.

Trở lại với câu chuyện về các công trình kiến trúc tín ngưỡng dân gian ở Phú Quý, chúng ta không thể không nói tới các ngôi chùa. Trên hòn đảo nhỏ này, có tới 6 ngôi chùa khá lớn. Trong đó, có những ngôi chùa nổi tiếng, như chùa Thanh Lâm (xã Ngũ Phụng), dựng cuối thế kỷ XVIII, đặc biệt là chùa Linh Quang, được dựng năm 1747, hiện là một di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, nơi có những bức tượng Quan Thế Âm Bồ tát, Phật Nhiên Đăng, ít thấy trong các chùa ở các vùng khác. Các nhà nghiên cứu văn hóa cho rằng, một số tượng ở đây mang dáng dấp của những tượng được tìm thấy ở Đại Hữu, Đồng Dương (Quảng Nam), gắn với Phật giáo đại thừa của Champa: với khuôn mặt bầu tròn, môi dày, mũi tẹt, đôi lông mày gần giao nhau, cùng các mô típ trang trí khá thoáng đạt...

3. Thay lời kết về miền đảo hứa

Án ngữ ở một vị trí thuận lợi trên đường hàng hải: từ đây có thể kiểm soát tàu bè đi và đến các cảng ở thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang, Cam Ranh..., kể cả tàu bè từ các cảng biển trên đây đi Trung Quốc và các nước thuộc Đông Bắc Á khác... Như một pháo hạm giữa biển khơi, Phú Quý là một báu vật mà thiên nhiên ban tặng để chúng ta tiến ra biển Đông và nhìn xa hơn là tiến ra đại dương. Vùng biển đảo này lại nằm ở khu vực trung tâm của ngư trường khai thác hải sản lớn nhất Nam Trung bộ và miền Đông Nam bộ, là điểm khai thác cá nổi tốt nhất Việt Nam. Ngoài hải sản, vùng biển đảo này còn có nhiều nguồn lợi quý giá khác, như nguồn lợi từ vị thế địa lý của đảo, nguồn lợi nông nghiệp, nguồn lợi khoáng sản, các nguồn lợi khác để phát triển du lịch nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội nói chung.

Vị thế địa chính trị, địa kinh tế, địa hàng hải... và các nguồn lợi thiên nhiên phong phú khác của vùng biển đảo này đã được các bậc tiền nhân của chúng ta nhận thức từ lâu. Các thế hệ đi trước đã không tiếc mồ hôi và xương máu để tạo lập nên cuộc sống trù phú, xây dựng nên một nền văn hóa phong phú, độc đáo, đa dạng tại đây. Ngày nay, trong bối cảnh của chiến lược biển, chúng ta tin tưởng rằng, Phú Quý hiện đang là miền đảo hứa của tổ quốc.

N.D.T